

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số: 2055 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v quan tâm báo giá vật tư cho Sửa chữa
lớn hệ thống nước ngưng và chân không - Tổ
máy số 1”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty và các đơn vị quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Chúng tôi hiện nay có nhu cầu Sửa chữa lớn hệ thống nước ngưng và chân không - Tổ máy số 1- Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Qua công văn này, chúng tôi kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá vật tư phục vụ công việc Sửa chữa lớn hệ thống nước ngưng và chân không - Tổ máy số 1 với các thông số và yêu cầu kỹ thuật như phụ lục đính kèm.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP.Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Trong trường hợp cần làm rõ thông tin, xin liên hệ Mrs Hà (0901.519.789).

- Thời gian nhận báo giá: Trước 15h ngày 10 tháng 07 năm 2025

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH-ĐT-VT, ĐTTH.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hoan

PHỤ LỤC BẢO GIÁ

Sửa chữa lớn (SCL) hệ thống nước ngưng và chân không - Tổ máy số 1 (Đính kèm
công văn số 2055 /NĐCP-KHĐTĐVT ngày 27/06/2025)

I. Tên hàng hóa, số lượng, quy cách:

STT	Mã Thành phần	Tên công việc/ thành phần hao phí	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng lập
1	VTC.17.1	Tôn SUS304 dày 2mm dạng tấm	Trung Quốc	Tấn	1,35
2	VTC.17.72	Van DN1800 (bao gồm thân van và bộ điều khiển): Ds943R-6ZN; DN1800; Áp lực làm việc: 0,6Mpa.; Áp lực lớn nhất 0,9Mpa.; Môi làm việc: Nước biển.; Nhiệt độ làm việc <80oC.; Chiều dài thân van: 490mm.; Body: HT250Ni3 Disc: HT250Ni3.; Shaft: Stainless Steel 316L.; Body Sealing Ring: Stainless Steel 316L.; Disc Sealing Ring: 1Cr18Ni9Ti.; Packing of Shaft: Neoprene; Kiểu van: Van bướm; Bộ điều khiển: 2SA3 của hãng YEPEF		Cụm	2
3	VTC.17.73	Bu lông SUS304 M36x180		Bộ	176
4	VTC.17.74	Gioăng mặt bích PTFE (Teflon) loại F; kích thước: (1820x1920x8)mm		Cái	4
5	VTC.17.96	Vòng bi 7330 ACM/P6	SKF	Cái	2
6	VTC.17.97	Vòng bi 6228P6/C3	SKF	Cái	2
7	VTC.17.130	Then 25x147 (Key) bản vẽ NLT350-400x6-028	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
8	VTC.17.131	Then 25x155 (Key) bản vẽ NLT350-400x6-029	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
9	VTC.17.132	Bạc đỡ (Thrust bearing) bản vẽ SP04, KT: Ø420x275	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	2
10	VTC.17.133	Then bạc đỡ (Thrust bearing key) bản vẽ NLT350-400x6-024	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
11	VTC.17.134	Vành chèn cơ khí (Machanical seal) 350/400 AF-300	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	2
12	VTC.17.135	Ống lót tiết lưu (throttling sleeve) Bản vẽ NLT350-400x6-019-00	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
13	VTC.17.136	Bạc lót tiết lưu (throttling bush) Bản vẽ NLT350-400x6-020	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
14	VTC.17.137	Bạc lót trong của ống lót tiết lưu (không có bản vẽ, kích thước: Ø120xØ130x25mm, vật liệu AC-3)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
15	VTC.17.138	Chốt tròn (Round key) bản vẽ NLT350-400x6-025 – KT: Ø20x12. Vật liệu: 2Cr13	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
16	VTC.17.139	Ê cu nối (Tie nut) bản vẽ NLT350-400x6-026. KT: M100xØ120x25. Vật liệu: 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	4

STT	Mã Thành phần	Tên công việc/ thành phần hao phí	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng lập
17	VTC.17.140	Vòng điều chỉnh (Adjust washer) bản vẽ NLT350-400x6-016 – KT: Ø550xØ365x60. Vật liệu: QT500-7	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
18	VTC.17.141	Bạc lót phần tĩnh đầu hút bơm (Seal ring Ø315), bản vẽ NLT350-400x6-011, vật liệu: QT500-7 (tầng cánh số 1)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
19	VTC.17.142	Bạc lót phần tĩnh đầu hút bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
20	VTC.17.143	Bạc lót phần tĩnh đầu hút bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 3	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
21	VTC.17.144	Bạc lót phần tĩnh đầu hút bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 4	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
22	VTC.17.145	Bạc lót phần tĩnh đầu hút bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 5	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
23	VTC.17.146	Bạc lót phần tĩnh đầu hút bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 6	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
24	VTC.17.147	Bạc lót phần tĩnh đầu đẩy bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 1	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
25	VTC.17.148	Bạc lót phần tĩnh đầu đẩy bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
26	VTC.17.149	Bạc lót phần tĩnh đầu đẩy bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 3	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
27	VTC.17.150	Bạc lót phần tĩnh đầu đẩy bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 4	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
28	VTC.17.151	Bạc lót phần tĩnh đầu đẩy bơm (Seal ring Ø290), bản vẽ NLT350-400x6-012, vật liệu: QT500-7 - tầng cánh số 5	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2

STT	Mã Thành phần	Tên công việc/ thành phần hao phí	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng lập
29	VTC.17.152	Bạc lót buồng bơm (Guide bearing DZ123x104x86), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3 tầng cánh 1	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
30	VTC.17.153	Bạc lót buồng bơm (Guide bearing DZ123x104x86), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3 tầng cánh 2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
31	VTC.17.154	Bạc lót buồng bơm (Guide bearing DZ123x104x86), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3 tầng cánh 3	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
32	VTC.17.155	Bạc lót buồng bơm (Guide bearing DZ123x104x86), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3 tầng cánh 4	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
33	VTC.17.156	Bạc lót buồng bơm (Guide bearing DZ123x104x86), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3 tầng cánh 5	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
34	VTC.17.157	Bạc lót buồng bơm (Guide bearing DZ123x104x86), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3, tầng cánh 6	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
35	VTC.17.158	Bạc lót trung gian (Guide bearing DZ125x107x99), bản vẽ NLT350-400x6-027, vật liệu AC-3	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
36	VTC.17.159	Ống lót trục bơm (Vật liệu SUS304) chế tạo theo bản vẽ BNN.00.001 – tầng cánh số 1	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
37	VTC.17.160	Ống lót trục bơm (Vật liệu SUS304) chế tạo theo bản vẽ BNN.00.001 – tầng cánh số 2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
38	VTC.17.161	Ống lót trục bơm (Vật liệu SUS304) chế tạo theo bản vẽ BNN.00.001 – tầng cánh số 3	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
39	VTC.17.162	Ống lót trục bơm (Vật liệu SUS304) chế tạo theo bản vẽ BNN.00.001 – tầng cánh số 4	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
40	VTC.17.163	Ống lót trục bơm (Vật liệu SUS304) chế tạo theo bản vẽ BNN.00.001 – tầng cánh số 5	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
41	VTC.17.164	Ống lót trục bơm (Vật liệu SUS304) chế tạo theo bản vẽ BNN.00.001 – tầng cánh số 6	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
42	VTC.17.165	Gioăng chèn Ø960x740x0,25 (Vật liệu Fish paper)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
43	VTC.17.166	Gioăng chèn Ø520x390x0,25 (Vật liệu Fish paper)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
44	VTC.17.167	Gioăng nhẵn F100x3 (O Ring 100x3) bản vẽ NLT350-400x6-030	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
45	VTC.17.168	Gioăng nhẵn F140x3 (O Ring 140x3) bản vẽ NLT350-400x6-031	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	4

STT	Mã Thành phần	Tên công việc/ thành phần hao phí	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng lắp
46	VTC.17.169	Gioăng nhẵn F218x3 (O Ring 218x3) bản vẽ NLT350-400x6-032	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
47	VTC.17.170	Gioăng nhẵn F380x3 (O Ring 380x3) bản vẽ NLT350-400x6-034	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
48	VTC.17.171	Gioăng nhẵn F390x3 (O Ring 390x3) bản vẽ NLT350-400x6-035	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	8
49	VTC.17.172	Gioăng nhẵn F412x3 (O Ring 412x3) bản vẽ NLT350-400x6-036	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	14
50	VTC.17.173	Vít đầu chìm lục giác M16x55 (8.8)	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	4
51	VTC.17.174	Vít đầu chìm lục giác M10x16 (5.8)	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	8
52	VTC.17.175	Vít đầu chìm lục giác M8x20, vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	12
53	VTC.17.176	Vít đầu chìm lục giác M10x25 (8.8)	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	8
54	VTC.17.177	Vít đầu chìm lục giác M12x20, vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	8
55	VTC.17.178	Vít đầu chìm lục giác M16x50, vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	12
56	VTC.17.179	Vít đầu chìm lục giác SUS304M20x75	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	8
57	VTC.17.180	Vít đầu chìm lục giác SUS304 M6x12	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	72
58	VTC.17.181	Vít đầu chìm lục giác SUS304 M8x10	Hãng KSB-Trung Quốc	Bộ	4
59	VTC.17.182	Vòng đệm phẳng + vành 24 (Washer 24) vật liệu 65Mn	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	404
60	VTC.17.183	Vòng đệm phẳng + vành 16 (Washer 16) vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	12
61	VTC.17.184	Gu giông M24x65 (Stud AM24x25) cấp bền 8.8	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	52
62	VTC.17.185	Gu giông M16x50 (Stud AM16x50) cấp bền 8.8	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	12
63	VTC.17.186	Bu lông M24x105 (8.8)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32
64	VTC.17.187	Gu giông M24x65 (Stud AM24x65), vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	160
65	VTC.17.188	Gu giông M24x85 (Stud AM24x85), vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32
66	VTC.17.189	Gu giông M24x135 (Stud AM24x135), vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32
67	VTC.17.190	Bu lông M24x90 (Stud AM24x90), vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32
68	VTC.17.191	Bu lông M24x105 (Stud AM24x105), vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32
69	VTC.17.192	Bu lông M24x155 (Stud AM24x155), vật liệu 1Cr17Ni2	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32

STT	Mã Thành phần	Tên công việc/ thành phần hao phí	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng lập
70	VTC.17.193	Ê cu M16x13(8.8)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	32
71	VTC.17.194	Ê cu M20x16 (8.8)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	24
72	VTC.17.195	Vòng chèn Seal ring Ø290, mã hiệu NLT350-400X6-012, vật liệu QT500-7	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	22
73	VTC.17.196	Côn hướng dòng (Inducer housing, NLT350-400X6-006)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
74	VTC.17.197	Cánh hướng dòng (Inducer), vật liệu A743CA-6NM	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
75	VTC.17.198	Impeller nut (Ê cu khóa đầu trục của cánh hướng dòng)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
76	VTC.17.199	Impeller nut lock (khóa chặn chống xoay của đai ốc đầu trục cánh hướng dòng)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
77	VTC.17.200	Impeller key (Then bằng của cánh dẫn hướng dòng)	Hãng KSB-Trung Quốc	Cái	2
78	VTC.17.201	Gioăng thép đầu đẩy bơm ngưng DN350- Pn40	Việt Nam	Cái	2
79	VTC.17.202	Dầu Castrol Perfecto X46	Việt Nam	Lít	40
80	VTC.17.211	Gioăng cửa người chui: Bìa amiang chịu nước, chịu dầu dày 2mm	Việt Nam	M2	3
81	VTC.17.221	Gu đồng M30x180	Việt Nam	Bộ	40
82	VTC.17.222	Gioăng amiang chỉ lõi thép dày 5mm	Việt Nam	m2	4
83	VTC.17.236	Vòng bi 6320-C3	SKF	Cái	2
84	VTC.17.237	Vòng bi NU320EM	SKF	Cái	2
85	VTC.17.238	Phốt 100x130x12 (môi trường làm việc: Chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20 độ C - 200 độ C)	SKF	Cái	2
86	VTC.17.239	Phốt 90x110x12 (môi trường làm việc: Chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20 độ C - 200 độ C)	SKF	Cái	2
87	VTC.17.257	Tết chèn (Packing chi tiết 1)	Việt Nam	Vòng	16
88	VTC.17.258	Vòng chắn dầu (Slinger chi tiết 3)	NASH-Trung Quốc	Cái	4
89	VTC.17.259	Đệm điều chỉnh (Shim chi tiết 4)	NASH-Trung Quốc	Cái	10
90	VTC.17.260	Vòng chèn (Lip seal chi tiết 5)	NASH-Trung Quốc	Cái	4
91	VTC.17.261	Vòng chèn (Lip seal chi tiết 5-1)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
92	VTC.17.262	Vòng bôi trơn (Lantern gland chi tiết 10)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
93	VTC.17.263	Vòng đệm (Floating bearing end body gasket chi tiết 101-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	12

STT	Mã Thành phần	Tên công việc/ thành phần hao phí	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng lập
94	VTC.17.264	Vòng đệm (Fixed bearing end body gasket chi tiết 101-4)	NASH-Trung Quốc	Cái	12
95	VTC.17.265	Côn đầu hút (Floating Bearing End Cone chi tiết 104)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
96	VTC.17.266	Vòng đệm (Cone gasket chi tiết 104-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
97	VTC.17.267	Côn đầu đẩy (Fixed Bearing End Cone chi tiết 105)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
98	VTC.17.268	Vòng đệm (Cone gasket chi tiết 105-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
99	VTC.17.269	Vòng đệm (Outer cap gasket chi tiết 115-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
100	VTC.17.270	Vòng đệm (Inter cap gasket chi tiết 116-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
101	VTC.17.271	Vòng đệm (Outer cap gasket chi tiết 117-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
102	VTC.17.272	Vòng bi Timken Part Number 71450 - 71751DC TDO (Chi tiết 119, 120)	NASH-Trung Quốc	Vòng	4
103	VTC.17.273	Ê cu hãm vòng bi (Floating bearing locknut chi tiết 119-1)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
104	VTC.17.274	Vòng đệm hãm vòng bi (Floating bearing lockwasher chi tiết 119-2)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
105	VTC.17.275	Ê cu hãm vòng bi (Fixed bearing locknut chi tiết 120-1)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
106	VTC.17.276	Vòng đệm hãm vòng bi (Fixed bearing lockwasher chi tiết 120-2)	NASH-Trung Quốc	Cái	2
107	VTC.17.277	Vòng đệm chèn (Fixed bearing ring gasket chi tiết 120-3)	NASH-Trung Quốc	Cái	4
108	VTC.17.278	Bộ khớp nối Grid Coupling T10 type 1100	Việt Nam	Bộ	2

II. Một số nội dung liên quan của báo giá:

- Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá ghi rõ số lượng, quy cách, mã hiệu, hãng, nước sản xuất, giá trị tiền hàng, đồng tiền chào giá là tiền Việt Nam Đồng, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng.

- Thời hạn sử dụng hàng hóa dự kiến năm 2026.